



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

Số: **867**/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Gia Lai, ngày **10** tháng **3** năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại xã Bình Phú, tỉnh Gia Lai của
Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Hiếu Ngọc

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020 và Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày
11/12/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi
Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP
ngày 29/01/2026;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo
vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày
28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29/01/2026;*

*Xét Văn bản số 6540/SNNMT-CCBVMT ngày 18/12/2025 của Sở Nông
nghiệp và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác
động môi trường (ĐTM) Dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích
5,023ha) tại xã Bình Phú, tỉnh Gia Lai của Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp
Hiếu Ngọc;*

*Xét nội dung Báo cáo ĐTM Dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện
tích 5,023ha) tại xã Bình Phú, tỉnh Gia Lai đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm
Văn bản số 17/CV-HN ngày 24/02/2026 của Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp
Hiếu Ngọc;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 216/TTr-
SNNMT ngày 27/02/2026.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
của dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 5,023ha) (sau đây gọi là
Dự án) thực hiện tại xã Bình Phú, tỉnh Gia Lai của Công ty TNHH Xây dựng
Tổng hợp Hiếu Ngọc (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung, yêu cầu về bảo
vệ môi trường theo Phụ lục đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và khoản 3 Điều 8 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ NNMT (để b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở NNMT;
- Chủ dự án;
- UBND xã Bình Phú.
- Lưu: VT, N4.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 5,023ha) tại Xã Bình Phú, tỉnh Gia Lai của Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Hiếu Ngọc

(Kèm theo Quyết định số **867** /QĐ-UBND ngày **10** tháng **3** năm 2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai).

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 5,023ha) tại xã Bình Phú, tỉnh Gia Lai.
- Địa điểm thực hiện: xã Bình Phú, tỉnh Gia Lai.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Hiếu Ngọc.
- Địa chỉ liên hệ: số 310 Quang Trung, xã Tây Sơn, tỉnh Gia Lai.
- Điện thoại: 0256. 3880 151 – 091 344 0612

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Diện tích dự án: 5,023ha.
- Thời gian làm việc trong ngày: 08 giờ (từ 7h00 đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h00).
- Trữ lượng được phép đưa vào thiết kế khai thác theo quyết định số 2512/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của UBND tỉnh Gia Lai là 762.161 m³ đất địa chất; trong đó, trữ lượng huy động vào thiết kế khai thác là 571.028 m³ đất địa chất. Thời hạn khai thác 03 năm với công suất khai thác hàng năm cụ thể như sau:

- + Năm thứ 1: 142.028 m³ đất địa chất/năm.
- + Năm thứ 2: 286.000 m³ đất địa chất/năm.
- + Năm thứ 3: 143.000 m³ đất địa chất/năm.

1.3. Trình tự và phương pháp khai thác:

- Trình tự khai thác: Khu vực phê duyệt trữ lượng có diện tích 5,023ha, khai thác khấu theo lớp bằng, vừa khai thác vừa mở rộng khai trường đến cost +29. Thực hiện khai thác, san gạt theo hình thức cuốn chiếu lần lượt từng khoảnh và trồng cây phục hồi môi trường theo tiến độ kết thúc khai thác năm thứ 2 và kết thúc khai thác.

- Phương pháp khai thác: Mở vĩa khai thác tại cao độ +52 m ở khu vực trung tâm dự án; tiến hành khai thác theo lớp, từ trên xuống dưới. Kết thúc khai thác, địa hình mỏ được tạo dốc thoải từ khu vực trung tâm tại cao độ khoảng +37 m về hai hướng Đông và Tây, với cao độ thấp nhất mỗi hướng là +29 m. Sử dụng máy đào có dung tích gầu $1,25\text{m}^3$ để khai thác và xe ô tô để vận chuyển đất đến công trình. Xe vận chuyển và thiết bị khai thác phải thể hiện đầy đủ thông tin về tên doanh nghiệp, tên công trình thi công và tên mỏ khai thác.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án:

- Công trình bảo vệ môi trường:

+ 02 hồ lắng (01 hồ lắng phía Bắc và 01 hồ lắng phía Tây).

+ Hệ thống mương thu gom nước mưa: xung quanh mỏ có tổng chiều dài 900m; mương dọc hai bên tuyến đường vận chuyển nội bộ mỏ có tổng chiều dài 434m.

- Tuyến đường giao thông trong mỏ: Tuyến đường tạm trong mỏ (kết hợp làm các mương thoát nước dọc 02 bên tuyến đường) có chiều dài khoảng 216,8m.

- Mương rửa kết hợp vòi xịt rửa bánh xe chở đất ra khỏi mỏ, kích thước: dài 4,0m x rộng 3,0m x sâu 0,5m.

- Khu vực phụ trợ phía Bắc (nằm trong ranh giới mỏ), diện tích khoảng 400m^2 : bố trí khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại, nhà vệ sinh di động, bãi tập kết xe.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Không

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Quá trình khai thác đất: nước mưa chảy tràn cuốn theo bùn đất, phát sinh chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi và khí thải từ các thiết bị khai thác; nguy cơ sạt lở đất trong mùa mưa lũ, sa bồi các dòng chảy và hạ lưu.

- Hoạt động vận chuyển đất làm phát sinh bụi, gây nguy cơ hư hỏng các tuyến đường và mất an toàn giao thông.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn hoạt động của Dự án

3.1. Nước thải

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân phát sinh khoảng $1,92\text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần ô nhiễm chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD_5 , COD) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn đất phát sinh khoảng $5.559 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (tính đối với ngày có lượng mưa phát sinh cao nhất với diện tích lưu vực tiếp nhận nước mưa chảy tràn là 5,023ha).

3.2. Bụi, khí thải: phát sinh từ quá trình khai thác và vận chuyển đất đến các công trình.

3.3. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng $7,2 \text{ kg/ngày}$, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

- Chất thải công nghiệp phải kiểm soát: giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã chất thải: 18 02 01) khoảng 10 kg/năm .

3.4. Tiếng ồn, độ rung: phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển đất đến nơi san lấp.

3.5. Các tác động khác không liên quan đến chất thải: hoạt động khai thác đất gây nguy cơ sạt lở trong mùa mưa lũ ảnh hưởng đến hạ lưu khu vực dự án, hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển, mất an toàn giao thông,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải.

4.1.1. Xử lý nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh di động đặt tại khu vực phụ trợ. Định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom và xử lý.

4.1.2. Xử lý nước mưa chảy tràn

- Hệ thống mương thu nước mưa chảy tràn xung quanh khu vực dự án có tổng chiều dài khoảng 900m (kích thước: Rộng 2,0m x Sâu 1,0m); mương thu gom nước mưa chảy tràn hai bên tuyến đường nội bộ mở có chiều dài 434m (kích thước: Rộng 0,5m x Sâu 0,5m). Các mương có kết cấu là mương đất hõ, được gia cố đảm bảo.

- Hồ lắng số 1 phía Tây mở, tọa độ $X=1.535.717$; $Y=570.772$, thể tích khoảng 360 m^3 (diện tích 120 m^2 , sâu 3m); hồ lắng số 2 phía Bắc, tọa độ: $X=1.535.803$, $Y=570.923$, thể tích khoảng 462 m^3 (diện tích 154 m^2 , sâu 3m). Kết cấu các hồ lắng được gia cố đảm bảo bằng đất đầm chặt.

- Quy trình thu gom, xử lý:

Nước mưa chảy tràn phía Tây mở → Mương thu nước phía Tây Nam, phía Tây và phía Tây Bắc → Hồ lắng số 1 phía Tây mở → Khe rãnh hiện trạng phía Tây mở.

Nước mưa chảy tràn phía Đông mỏ và nước mưa dọc tuyến đường nội bộ mỏ → Mương thu nước phía Đông Nam, phía Đông và phía Đông Bắc và mương dọc tuyến đường nội bộ mỏ → Hồ lắng số 2 phía Bắc mỏ → Công ngầm D1000mm → Hồ nước hiện trạng có thể tích khoảng 6.432m³.

4.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi

- Phủ bạt kín các phương tiện chuyên chở trong quá trình vận chuyển, thực hiện giải pháp gạt đất bánh xe trước khi ra ngoài và che chắn, không để rơi vãi đất trong quá trình vận chuyển.

- Thường xuyên tưới nước trên tuyến đường vận chuyển (đoạn qua khu dân cư) và tăng cường vào mùa nắng.

4.3. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.3.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Bố trí 01 thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại khu vực lán trại để thu gom và xử lý theo quy định.

4.3.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Trang bị các thùng lưu chứa chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát có dán nhãn và thực hiện lưu chứa, hợp đồng xử lý theo quy định.

4.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị phục vụ khai thác và trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

4.5. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

Trường hợp khu vực có phát sinh đá thải, bố trí khu vực lưu chứa đảm bảo môi trường và thực hiện quản lý theo quy định Luật Khoáng sản.

4.5.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

4.5.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a) Thực hiện san gạt theo trình tự cuốn chiếu hàng năm và trồng cây phục hồi môi trường khi kết thúc khai thác với diện tích là 5,023ha. Các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường cụ thể như sau:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
I	Khu vực khai thác				

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
1.	Cấm biển báo nguy hiểm tại khu vực mỏ	cái	3	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác	Trước khi tiến hành khai thác
2.	San gạt đất mặt bằng mỏ	m ³	4.521	Tạo bề mặt bằng phẳng, thoải về phía Tây và Đông (hạ lưu) thuận lợi cho quá trình thoát nước và trồng cây.	Thực hiện theo hình thức cuốn chiếu, khai thác đến đâu tiến hành san gạt đến đó.
3.	San lấp mương thu gom nước mưa và hồ lắng	m ³	2.822,2	Trả lại hiện trạng ban đầu	Triển khai và hoàn thành sau khi kết thúc khai thác
4.	Tháo dỡ nhà tạm, nhà vệ sinh di động	m ²	20		
5.	Tháo dỡ cống ngầm	Cầu kiện	7		
6.	Trồng rừng keo lai phủ xanh khu vực mỏ	ha	5,023	Phủ xanh khu vực khai thác	Sau khi kết thúc khai thác năm thứ 2 và kết thúc khai thác
7.	Đo vẽ địa hình khu mỏ	ha	5,023	Giám sát độ sâu khai thác	Sau khi kết thúc san gạt mặt bằng
II Ngoài khu vực khai thác					
1.	Cải tạo nâng cấp tuyến đường ngoài khu vực dự án	m ³	410	Trả lại hiện trạng ban đầu	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày trước khi dự án đi vào khai thác và sau khi kết thúc dự án.
2.	Nạo vét hồ nước hiện trạng	m ³	1.072	Hoàn trả dung tích hồ chứa, đảm bảo toàn và chất lượng nước tưới của hồ nước hiện trạng.	Định kỳ trước mùa mưa và triển khai và hoàn thành trong quá trình khai thác.
3.	Gia cố hồ nước hiện trạng	m ³	79,2		

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường **940.206.000 đồng**
(Chín trăm bốn mươi triệu, hai trăm linh sáu nghìn đồng).

- Số lần ký quỹ: 03 lần.
- + Lần 1: 235.052.000 đồng.
- + Các lần còn lại: 352.577.000 đồng/01 lần.
- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Gia Lai, 387 Trần Hưng Đạo, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai.
- Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2026.

Trường hợp chủ dự án không nộp hoặc nộp chậm tiền ký quỹ theo thời hạn nêu trên thì sẽ bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

4.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện khai thác đến đâu bóc lớp đất tầng phủ đến đó.
- Thường xuyên nạo vét hồ lắng, hồ nước hiện trạng đảm bảo chất lượng nước tưới cho khu vực đồng ruộng phía hạ lưu và giảm nguy cơ sa bồi, gây ảnh hưởng đến việc thoát nước tại khu vực. Trong quá trình khai thác, nếu xảy ra hiện tượng sa bồi, sạt lở, ảnh hưởng đến khu vực phía hạ lưu, chủ dự án phải phối hợp với chính quyền địa phương để có biện pháp khắc phục sự cố và đền bù thiệt hại (nếu có).

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

5.1. Giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại: lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom và chuyển giao cho đơn vị xử lý.

5.2. Giám sát sa bồi, thủy phá diện tích đất nông nghiệp phía hạ lưu.

5.3. Các giám sát khác:

- Giám sát sạt lở, an toàn giao thông trong quá trình khai thác, vận chuyển đất.
- Tần suất quan trắc: thường xuyên, liên tục trong suốt thời gian khai thác.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: không./.